

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/DS-ST

Ngày: 07-02-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H là anh Hồ Thanh H1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số F, đường 30 tháng 4, khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (*Hợp đồng ủy quyền ngày 19/6/2024*). Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1 Chị Lê Thị Bích L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Bích L là anh Lê Chí T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (*Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2024*). Có mặt.

2.2 Anh Bùi Nhựt N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Nguyễn Sơn N1, sinh năm 1991.

3.2 Chị Phạm Thị Kim C, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Sơn N1, chị Phạm Thị Kim C là anh Lê Chí T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (*Văn bản ủy quyền ngày 04/11/2024*). Có mặt.

3. Người làm chứng: Anh Lê Thành Đ, sinh ngày 15/7/1984. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H là anh Hồ Thanh H1 trình bày:

Giữa chị H, chị L và anh N1 không có mối quan hệ bà con, tuy nhiên, chị H có quen biết anh N1. Chị L và anh N1 nói với chị H rằng họ là vợ chồng, theo chị H biết, họ chung sống và có con chung. Ngày 07/3/2024, chị H cho chị L và anh N1 vay 980.000.000 đồng, hai bên có lập Hợp đồng vay tiền đáo hạn ngân hàng. Theo hợp đồng, bên cho vay là chị H, bên vay là anh N1 và chị L, mục đích vay tiền để chị L đáo hạn ngân hàng. Hai bên thỏa thuận miệng với nhau rằng 30 ngày sau sẽ hoàn trả tiền gốc, lãi suất cho vay là 3%/tháng, tuy nhiên không có chứng cứ chứng minh. Kể từ khi vay tiền, chị L và anh N1 không thanh toán lãi cũng như không trả tiền gốc cho chị H. Khi vay, chị L và anh N1 không nói với chị H rằng mỗi người vay 490.000.000 đồng.

Khi giao tiền vay, chị H nhờ người bạn là anh Lê Thành Đ chuyển khoản thay, trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của chị Lê Thị Bích L tại Ngân hàng P. Chị H xác định lại rằng người vay tiền là chị Lê Thị Bích L và anh Bùi Nhật N.

Trước đó, vào ngày 31/7/2024, chị H trình bày rằng người vay là chị L, do chị L không thừa nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh N. Vì vậy, chị H đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu một mình chị L trả nợ. Tuy nhiên, đến nay, chị H xác định rõ rằng chị L và anh Nhật N là vợ chồng. Đồng thời, cả hai cùng ký tên vay tiền, nên phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị H. Theo Hợp đồng vay ngày 07/3/2024, ban đầu chỉ có chị H và anh Nhật N ký tên, do anh N nói rằng: *“Vợ tôi đi dạy học nên tôi ký trước và nhận tiền.”* Đến ngày hôm sau (08/3/2024), chị H gặp vợ chồng anh N, chị L trên đường nên yêu cầu chị L ký tên vào hợp đồng vay ngày 07/3/2024, và chị L đã thống nhất ký tên.

Sau khi vay tiền, đến ngày 17/6/2024, do anh N và chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cũng như đóng lãi, chị H đã gặp chị L để đòi tiền. Tại Văn phòng ấp Phú Thạnh A, chị L lập *“Tờ cam kết”* trả nợ cho chị H, trong đó cam kết sẽ trả trước 400.000.000 đồng sau khi nhận tiền chuyển nhượng đất từ chị Kim C, số tiền còn lại 580.000.000 đồng hứa vào ngày 17/7/2024 sẽ trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H trình bày là chỉ đồng ý nội dung trong tờ cam kết là chị L thừa nhận có thiếu 980.000.000 đồng, còn việc hứa trả như thế nào là không thống nhất nên

ngày 18/6/2024 chị H nộp đơn khởi kiện, đồng thời yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Về ý kiến của chị L liên quan đến yêu cầu gỡ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời và đề nghị trả cho chị H số tiền gốc còn nợ là 580.000.000 đồng, tiền lãi theo mức 10%/năm, đồng thời yêu cầu Tòa án buộc anh Bùi Nhựt N phải trả phần còn lại là 400.000.000 đồng, chị H không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, tự nguyện thay đổi yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi suất là 0,83%/tháng, tương đương 10%/năm tính từ ngày vay tiền là ngày 07/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/02/2025 và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết nợ.

Để đảm bảo việc thi hành án, chị H đề nghị tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Lê Thị Bích L là anh Lê Chí T trình bày:

Trước đây, chị Lê Thị Bích L có vay của Ngân hàng D1 số tiền 980.000.000 đồng, người đứng tên vay tiền là chị L, và tài sản thế chấp cũng thuộc quyền sở hữu của chị L. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền vay, chị L và anh Bùi Nhựt N mỗi người sử dụng 490.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh. Đến hạn trả nợ Ngân hàng nhưng không có khả năng thanh toán, chị L và anh Nhựt N đã vay tiền của chị H để trả nợ Ngân hàng.

Do chị L vay tiền Ngân hàng D1 và cho anh N2 N mượn lại 490.000.000 đồng, nên hai bên đã thỏa thuận mỗi người vay của chị H 490.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Tuy nhiên, thỏa thuận này chỉ diễn ra bằng lời nói, không có văn bản hay chứng cứ chứng minh.

Việc vay tiền thực hiện vào ngày 07/3/2024, hai bên có làm Hợp đồng vay tiền đáo hạn Ngân hàng, nội dung Hợp đồng là bên cho vay là chị H, bên vay tiền là chị L và anh N, mục đích vay tiền để đáo hạn Ngân hàng. Hai bên thỏa thuận miệng rằng khi nào vay được tiền từ Ngân hàng thì sẽ trả lại cho chị H, lãi suất tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng N3 nhưng không nói rõ bao nhiêu %/tháng.

Sau khi vay tiền, chị L và anh N2 Nam không thanh toán lãi cũng như không trả nợ gốc cho chị H. Trong khoản vay 980.000.000 đồng, chị L và anh Nhựt N thống nhất mỗi người chịu trách nhiệm 490.000.000 đồng. Khi vay tiền, anh Nhựt N có thông báo cho chị H về sự thỏa thuận này, nhưng các bên không lập văn bản xác nhận.

Khi vay tiền thì anh N là người trực tiếp trao đổi với chị H, anh N gặp chị H để ký Hợp đồng vay ngày 07/3/2024, chị H chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của chị L mở tại Ngân hàng D1 (P). Sau đó 03 ngày thấy chị L và anh N chưa trả tiền vay nên chị H gặp chị L yêu cầu chị L ký tên vào Hợp đồng vay ngày

07/3/2024, chị L có đọc lại Hợp đồng vay và thống nhất ký tên. Hiện tại, chị L không còn vay tiền tại Ngân hàng D1. Ngân hàng V có thông báo về khả năng cho vay, nhưng do đang có tranh chấp với chị H nên chị L chờ giải quyết xong vụ việc mới tiến hành thủ tục vay lại.

Chị L yêu cầu Tòa án gỡ bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, lý do chị L đã bán tài sản để trả nợ cho ông D theo yêu cầu của thi hành án.

Về mối quan hệ giữa chị L và anh Nhựt N: Ban đầu, chị L trình bày rằng giữa hai người chỉ là bạn bè, hùn hạp làm ăn chung. Tuy nhiên, thực tế vào năm 2015, chị L và anh N đã tổ chức đám cưới và chung sống đến năm 2018. Năm 2018, chị L có tranh chấp hợp đồng mua bán với bà Đỗ Nguyễn Thu T1, anh Nhựt N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vụ án này đã được giải quyết bằng Bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 06/3/2018 và Bản án phúc thẩm số 206/2018/DS-PT ngày 06/9/2018. Sau khi vụ án kết thúc, anh Nhựt N cho rằng gia đình chị L có nhiều vấn đề và anh cũng chưa dứt khoát với vợ cũ, nên cha mẹ hai bên đã làm giấy thỏa thuận ly hôn, nhưng do hai người chưa đăng ký kết hôn nên chính quyền địa phương không thể xác nhận. Đồng thời, chị L và anh N cũng không thực hiện thủ tục ly hôn tại Tòa án.

Tại phiên tòa, anh T là đại diện cho bị đơn chị Lê Thị Bích L, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể là đồng ý thanh toán số tiền 580.000.000 đồng theo tờ cam kết ngày 17/6/2024, với lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 17/7/2024 đến ngày 07/02/2025 (ngày xét xử sơ thẩm). Đối với số nợ gốc còn lại 400.000.000 đồng, đại diện bị đơn đề nghị Tòa án buộc anh Bùi Nhựt N chịu trách nhiệm thanh toán cho chị H, với lý do giữa chị L và anh N đã có thỏa thuận về việc chia đôi khoản vay này. Tuy nhiên, do anh Nhựt N không có mặt tại phiên tòa để làm rõ nội dung thỏa thuận trên, đại diện bị đơn đề nghị tạm ngừng phiên tòa để Tòa án tiến hành xác minh về việc có hay không thỏa thuận chia đôi số nợ giữa chị L và anh N. Đồng thời, chị L không đồng ý liên đới cùng anh N trả toàn bộ số tiền vay 980.000.000 đồng cho chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim C, anh Nguyễn Sơn N1 là anh Lê Chí T trình bày:

Ý kiến của chị C và anh Sơn N1: Chị Kim C và anh Sơn N1 xác định họ là người nhận chuyển nhượng phần đất đang bị phong tỏa, bao gồm diện tích 2.257,6m², thửa số 87, tờ bản đồ số 02; 3.763,3m² thửa số 792, tờ bản đồ số 02; 4.861m² thửa số 807, tờ bản đồ số 02; 1.061,5m² thửa số 831, tờ bản đồ số 02, cùng tọa lạc tại xã P. Giá chuyển nhượng là 1.000.000.000 đồng, hai bên đã ký kết xong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng chưa hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do các thửa đất này đang bị phong tỏa. Chị C và anh Sơn N1 xác nhận rằng họ đã thanh toán đầy đủ số tiền chuyển nhượng cho chị Lê Thị Bích L, và hiện nay, phần đất trên do vợ chồng chị C và anh Sơn N1 trực tiếp canh tác. Đối với việc chị H khởi kiện chị Lê Thị Bích L và anh Bùi Nhựt N để đòi tiền vay cũng như yêu cầu xử lý phần đất đang bị phong

tòa, chị C và anh Sơn N1 không có ý kiến. Họ chỉ đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ án để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người làm chứng anh Lê Thành Đ trình bày:

Anh và chị H là bạn bè, có quan hệ làm ăn chung. Ngày 07/3/2024, anh Bùi Nhựt N và chị Lê Thị Bích L vay tiền của chị H. Do chị H bận, nên chị nhờ anh chuyển số tiền vay 980.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của chị Lê Thị Bích L. Anh có mặt và chứng kiến việc anh Bùi Nhựt N và chị Lê Thị Bích L ký tên vào Hợp đồng vay tiền ngày 07/3/2024. Số tiền vay 980.000.000 đồng là tiền của chị H, không liên quan đến anh. Anh không có yêu cầu gì trong vụ án này và cũng không đề nghị Tòa án đưa anh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với bị đơn anh Bùi Nhựt N, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh N từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử, nhưng có gửi bản trình bày ý kiến đề ngày 10/7/2024 qua đường bưu điện nội dung: “...chia đôi phần nợ giữa tôi và cô L để mỗi người có trách nhiệm trả nợ cho chị H chứ không cùng liên đới trả nợ cho chị H theo như chị H yêu cầu Tòa án giải quyết liên đới trả nợ như nêu trên. Căn cứ theo hợp đồng vay tiền đáo hạn ngân hàng của tôi mà chị H có yêu cầu tòa án giải quyết tính lãi với mức lãi là 1,66% trên tháng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi cô L và tôi trả hết số nợ cho chị H, điều này tôi có yêu cầu đến quý tòa án xem xét giải quyết cho tôi với mức lãi xuất theo ngân hàng qui định. Ngoài ra tôi không có ý kiến nào khác trong vụ án này...”.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt: BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H do anh Hồ Thanh H1 làm đại diện: Buộc chị Lê Thị Bích L và anh Bùi Nhựt N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền vay còn nợ gốc: 980.000.000đ và lãi suất 0,83% kể từ ngày vay tiền đến ngày xét xử vụ án.

- Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Bùi Nhựt N vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Tại phiên tòa, phía nguyên đơn thay đổi yêu cầu về mức lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu là phù hợp với Điều 5, khoản 1 Điều 244 BLTTDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của BLTTDS quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”; “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó” và “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Các đương sự có giao kết giao dịch, nhưng không cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ các bên giao nộp, chứng cứ đã thu thập được cho đến tại phiên tòa sơ thẩm để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[5] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, yêu cầu bị đơn chị Lê Thị Bích L và anh Bùi Nhựt N cùng liên đới trả số tiền gốc 980.000.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng từ ngày 07/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn đối với các bị đơn là “Hợp đồng vay tiền đáo hạn ngân hàng” ngày 07/3/2024, có chữ ký của chị L và anh N, với số tiền vay 980.000.000 đồng, mục đích vay là đáo hạn Ngân hàng được các bị đơn thừa nhận. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc chị L và anh N vay tiền của chị H là có thật.

[6] Chị L cho rằng giữa chị và anh N có thỏa thuận là mỗi người vay chị H 490.000.000 đồng và anh N có nói thỏa thuận này cho chị H biết, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có thỏa thuận mỗi người chịu nửa số nợ và điều này cũng không được chị H thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Trong “Hợp đồng vay tiền đáo hạn ngân hàng” ngày 07/3/2024, không có nội dung nào thể hiện sự thỏa thuận là mỗi người vay 490.000.000 đồng, hay mỗi người phải chịu nửa số nợ vay chị H, toàn bộ số tiền vay được chuyển vào tài khoản của chị L, cả hai bị đơn cùng ký vào hợp đồng vay. Do đó, cả hai bị đơn đều là bên vay, nên có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị H theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự.

[7] Về yêu cầu tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về mức lãi suất 0,83%/tháng, tương đương 10%/năm tính từ 07/3/2024 đến 07/02/2025 là 337 ngày x 10%/năm/365 ngày là 90.482.000 đồng (làm tròn) và tiếp tục tính lãi

cho đến khi trả hết nợ. Mức lãi mà nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của chị L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tính lãi từ ngày 17/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[9] Nguyên đơn yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp để đảm bảo thi hành án, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim C và anh Nguyễn Sơn N1 không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của chị L đề nghị tạm ngừng phiên tòa để Tòa án xác minh về việc có hay không thỏa thuận chia đôi số nợ giữa chị L và anh N1. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này không cần thiết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh N1 để tham gia phiên hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh N1 từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do các bên giao nộp và chứng cứ đã thu thập được cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[12] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận”, các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 93, 95, 144, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc chị Lê Thị Bích L và anh Bùi Nhật N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ gốc và lãi

cho chị Nguyễn Thị H là: 1.070.482.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về án phí:

4.1. Buộc chị Lê Thị Bích L, anh Bùi Nhựt N liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm làm tròn là 44.114.000 đồng (bốn mươi bốn triệu một trăm mười bốn nghìn đồng).

4.2. Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.540.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006174 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/02/2025); đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Bình